

PHỤ LỤC

So sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết với Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND;

Quy định tại thông tư số 23/2026/TT-BKHCN

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-SKHCN ngày /9/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
Tên Nghị quyết Quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Tên dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi đối với hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật có sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Khoản 8 Điều 3 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN quy định: “3. Định mức chi kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này là định mức tối đa. Căn cứ định mức chi tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao thẩm quyền quyết định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm phù hợp với đặc thù hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật của địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao.”	Đặt tên dự thảo theo quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN
Phạm vi điều chỉnh (Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết) Nghị quyết này quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Phạm vi điều chỉnh (Điều 1 Nghị quyết) 1. Nghị quyết này quy định mức chi đối với hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật có sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. 2. Nghị quyết này không điều chỉnh mức	Phạm vi điều chỉnh Điều 1 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN: 1. Thông tư này quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước, bao gồm kinh phí sự nghiệp và kinh phí đầu tư phát triển, trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu	Xác định phạm vi điều chỉnh theo quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	khoản chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh để ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương. Việc thực hiện mức khoản chi đối với các nhiệm vụ, hoạt động quy định tại khoản này được thực hiện theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoản chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.	chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật được quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. 2. Thông tư này không điều chỉnh việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước để tổ chức thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật ban hành quy chuẩn kỹ thuật. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước để tổ chức thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật ban hành quy chuẩn kỹ thuật thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.	
Đối tượng áp dụng (Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Đối tượng áp dụng (Điều 2 Nghị quyết) 1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan đến hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.	Đối tượng áp dụng (Điều 2 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN): 1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là bộ và cơ quan trung ương), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). 2. Đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm cả tổ chức khoa học và công nghệ công lập. 3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan đến hoạt	Xác định đối tượng áp dụng theo quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	2. Đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm cả tổ chức khoa học và công nghệ công lập.	động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.	
Không quy định	Mức chi thực hiện các nội dung công việc có tính chất phổ biến về hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật (Điều 3 Nghị quyết) 1. Chi đối với các nội dung công việc có tính chất phổ biến trong hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng theo các định mức chi có nội dung tương tự quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan, bao gồm cả: a) Chi công tác phí trong nước, chi tổ chức hội nghị, hội thảo: áp dụng mức chi tại Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung và mức chi đối với hoạt động quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; b) Chi công tác phí nước ngoài: áp dụng mức chi tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày	Định mức chi thực hiện các nội dung công việc có tính chất phổ biến về hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật (Điều 12 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN): 1. Chi đối với các nội dung công việc có tính chất phổ biến trong hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng theo các định mức chi có nội dung tương tự quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan, bao gồm cả: a) Chi công tác phí trong nước, chi tổ chức hội nghị, hội thảo: áp dụng định mức chi tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC; b) Chi công tác phí nước ngoài: áp dụng định mức chi tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; c) Chi dịch thuật, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, chi tiếp khách trong nước và quốc	Quy định mức chi đối với các định mức chi quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN đã được quy định chi tiết tại địa phương và các văn bản quy định hiện hành.

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; c) Chi dịch thuật, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, chi tiếp khách trong nước và quốc tế: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị quốc tế; đối tượng và mức chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn; d) Chi điều tra, khảo sát, thu thập số liệu: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. đ) Chi thuê chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng theo mức lương quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở xác định giá gói thầu;	tế: áp dụng định mức chi tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước; d) Chi điều tra, khảo sát, thu thập số liệu: áp dụng định mức chi tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC; đ) Chi thuê chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng theo mức lương quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở xác định giá gói thầu; e) Định mức chi thuê chuyên gia là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc là người nước ngoài, đơn vị căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả và hiệu quả của việc thuê chuyên gia để trình cơ quan	

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	e) Chi thuê chuyên gia là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc là người nước ngoài, đơn vị căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả và hiệu quả của việc thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở hồ sơ, tài liệu chứng minh và kết quả thương thảo về yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia; g) Chi tạo lập thông tin điện tử: thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; h) Chi xây dựng giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo, tập huấn: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; i) Chi tổ chức hoạt động đào tạo nghiệp vụ về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-	có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở hồ sơ, tài liệu chứng minh và kết quả thương thảo về yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia; g) Chi tạo lập thông tin điện tử: thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; h) Chi xây dựng giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo, tập huấn: áp dụng định mức chi được quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; i) Chi tổ chức hoạt động đào tạo nghiệp vụ về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: thực hiện theo quy định về nội dung chi và định mức chi tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; k) Chi tổ chức các hoạt động tuyên truyền:	

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh). k) Chi tổ chức các hoạt động tuyên truyền: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; l) Chi tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có đóng góp tích cực trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thực hiện; m) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn được xây dựng trên cơ sở nhu cầu, khối lượng, đơn giá theo mặt bằng giá thị trường tại thời điểm lập dự toán hoặc theo định mức hiện hành (nếu có). 2. Ngoài các mức chi quy định tại khoản 1	thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; l) Chi tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có đóng góp tích cực trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thực hiện; m) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn được xây dựng trên cơ sở nhu cầu, khối lượng, đơn giá theo mặt bằng giá thị trường tại thời điểm lập dự toán hoặc theo định mức hiện hành (nếu có). 2. Ngoài các định mức chi quy định tại khoản 1 Điều này, định mức chi đối với các nội dung công việc có tính chất chuyên môn của hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật được quy định từ Điều 13 đến Điều 23 Thông tư này.	

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	Điều này, mức chi đối với các nội dung công việc có tính chất chuyên môn của hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật được quy định từ Điều 4 đến Điều 10 Nghị quyết này.		
Không quy định	Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về thực hiện chiến lược tiêu chuẩn quốc gia, kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương (Điều 4 Nghị quyết) Ngoài các mức chi quy định tại Điều 3 Nghị quyết này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về thực hiện chiến lược tiêu chuẩn quốc gia, kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương được quy định như sau: 1. Mức chi biên soạn bản đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương làm căn cứ xét duyệt để đưa vào kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương: tối đa 1.440.000 đồng/01 dự án, bản đề xuất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. 2. Mức chi xét duyệt đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật phục vụ lập kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật: a) Chủ trì: 1.200.000 đồng/buổi; b) Thành viên: 560.000 đồng/người/buổi.	Định mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về xây dựng và thực hiện chiến lược tiêu chuẩn quốc gia, kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật (Điều 13 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN): Ngoài các định mức chi quy định tại Điều 12 Thông tư này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này, định mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về xây dựng và thực hiện chiến lược tiêu chuẩn quốc gia, kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật được quy định như sau: 1. Định mức chi nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, khu vực, nước ngoài, đánh giá thực trạng, biên soạn dự thảo chiến lược tiêu chuẩn quốc gia: được áp dụng định mức chi được quy định tại Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN; trong đó thù lao nghiên cứu được xác định theo hệ số, phương pháp xác định và mức thù lao đối với các chức danh được	Quy định mức chi đối với các nội dung được thực hiện tại địa phương. Đối với các nội dung chi có định mức số tiền cụ thể tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, đề xuất mức chi bằng 80% định mức tối đa. Mức chi xét duyệt đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật phục vụ lập kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật cho chủ trì, thành viên, thư ký tương ứng các bước xây dựng QCĐP tại dự thảo Nghị quyết thấp hơn mức chi của chủ trì, thành viên, thư ký Hội

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	3. Các khoản chi thực hiện nhiệm vụ, giải pháp của chiến lược tiêu chuẩn quốc gia, kế hoạch xây dựng QCĐP: thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết này và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.	quy định tại Điều 9 và Điều 10 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. Căn cứ tính chất, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và yêu cầu về chất lượng sản phẩm, đơn vị chủ trì xác định số ngày công làm cơ sở tính thù lao cho các thành viên tham gia; việc xác định phải gắn với nội dung công việc và sản phẩm cụ thể, có thuyết minh rõ căn cứ; kết quả xác định được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. 2. Định mức chi biên soạn dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc gia cho từng đối tượng hoặc nhóm đối tượng, lĩnh vực làm căn cứ xét duyệt để đưa vào kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia; chi biên soạn bản đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật làm căn cứ xét duyệt để đưa vào kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật: tối đa 1.800.000 đồng/01 dự án, bản đề xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 3. Chi lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo chiến lược tiêu chuẩn quốc gia: 500.000 đồng/01 phiếu ý kiến; 4. Chi tổng hợp xử lý ý kiến góp ý đối với dự thảo chiến lược tiêu chuẩn quốc gia: 1.500.000 đồng/bảng tổng hợp; 5. Chi tổ chức hội thảo chuyên đề góp ý đối với dự thảo chiến lược tiêu chuẩn quốc gia: Chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi;	đồng KHCN&ĐMST (nội dung chi có tính chất tương đương) quy định tại Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nội dung và mức chi đối với hoạt động quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
		Thư ký: 700.000 đồng/buổi; Đại biểu tham dự: 300.000 đồng/người/buổi. 6. Định mức chi xét duyệt dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc gia phục vụ lập kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia; xét duyệt đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật phục vụ lập kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật: Chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi; Thành viên: 700.000 đồng/người/buổi. 7. Các khoản chi thực hiện nhiệm vụ, giải pháp của chiến lược, kế hoạch: thực hiện theo nội dung chi, định mức chi quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.	
Không quy định	Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về phổ biến quy chuẩn kỹ thuật địa phương (Điều 5 Nghị quyết): Ngoài các mức chi quy định tại Điều 3 Nghị quyết này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về phổ biến quy chuẩn kỹ thuật địa phương được quy định như sau: 1. Mức chi soạn thảo kế hoạch phổ biến quy chuẩn kỹ thuật địa phương: tối đa 1.600.000 đồng/kế hoạch được duyệt. 2. Chi thuê tổ chức, cá nhân sáng tạo nội dung sản xuất, xuất bản các sản phẩm truyền thông để phổ biến quy chuẩn kỹ thuật địa	Định mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về phổ biến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (Điều 14 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN): Ngoài các định mức chi quy định tại Điều 12 Thông tư này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này, định mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về phổ biến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được quy định như sau: 1. Định mức chi soạn thảo kế hoạch phổ biến tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật: tối đa 2.000.000 đồng/kế hoạch được duyệt. 2. Chi thuê tổ chức, cá nhân sáng tạo nội	Quy định mức chi đối với các nội dung được thực hiện tại địa phương, cụ thể hoá các mức chi đã được quy định chi tiết tại địa phương và các văn bản quy định hiện hành. Đối với các nội dung chi có định mức số tiền cụ thể tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, đề xuất mức chi bằng 80%

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	phương trên các nền tảng số, mạng xã hội: được xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá hoặc yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thuê, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xét duyệt; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. 3. Chi tổ chức các hoạt động phổ biến quy chuẩn kỹ thuật địa phương, bao gồm cả việc tổ chức các cuộc thi, hội thi: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.	dung sản xuất, xuất bản các sản phẩm truyền thông để phổ biến tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật trên các nền tảng số, mạng xã hội: được xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá hoặc yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thuê, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xét duyệt; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. 3. Chi tổ chức các hoạt động phổ biến tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật, bao gồm cả việc tổ chức các cuộc thi, hội thi: áp dụng định mức chi tương tự được quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.	định mức tối đa.
Không quy định	Không quy định	Định mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về xây dựng, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia (Điều 15 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN)	Hoạt động này không thuộc thẩm quyền của địa phương
Mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương (Điều 2 Nghị quyết) 1. Chi công lao động thuê ngoài đối với cán bộ, chuyên gia trực tiếp xây dựng dự	Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về xây dựng, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương (Điều 6 Nghị quyết): Ngoài các mức chi quy định tại Điều 3 Nghị quyết này đối với một số nội dung công việc	Định mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về xây dựng, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật (Điều 16 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN) Ngoài các định mức chi quy định tại Điều 12 Thông tư này đối với một số nội dung	Rà soát, cập nhật bổ sung quy định mức chi tương ứng đối với các nội dung chi quy định tại Thông tư

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương (nếu có): mức chi tối đa 16.000.000 đồng/01 dự thảo đối với quy chuẩn kỹ thuật địa phương không cần phải khảo sát, khảo nghiệm; mức chi tối đa 36.000.000 đồng/01 dự thảo đối với quy chuẩn kỹ thuật địa phương cần phải khảo sát, khảo nghiệm. 2. Chi lập dự án quy chuẩn kỹ thuật địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt: 1.200.000 đồng/01 dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 3. Chi xây dựng thuyết minh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, tổng hợp ý kiến địa phương, tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương; chi cho công tác nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, xây dựng báo cáo phân tích kết quả điều tra, khảo sát, khảo nghiệm, thử nghiệm phục vụ cho việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa	có tính chất phổ biến quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về xây dựng, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương được quy định như sau: 1. Chi thu thập, tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, tư liệu về các cam kết quốc tế có liên quan; căn cứ pháp lý, khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước và mức độ rủi ro của đối tượng quản lý: mức chi thù lao đối với các chức danh thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung và mức chi đối với hoạt động quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ tính chất, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và yêu cầu về chất lượng sản phẩm, đơn vị chủ trì xác định số ngày công làm cơ sở tính thù lao cho các chức danh tham gia; việc xác định phải gắn với nội dung công việc và sản phẩm cụ thể, có thuyết minh rõ căn cứ; kết quả xác định được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.	công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này, định mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về xây dựng, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật được quy định như sau: 1. Chi thu thập, tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, tư liệu về các cam kết quốc tế có liên quan; căn cứ pháp lý, khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước và mức độ rủi ro của đối tượng quản lý: thực hiện theo hệ số, phương pháp xác định và mức thù lao đối với các chức danh quy định tại Điều 9 và Điều 10 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. Căn cứ tính chất, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và yêu cầu về chất lượng sản phẩm, đơn vị chủ trì xác định số ngày công làm cơ sở tính thù lao cho các chức danh tham gia; việc xác định phải gắn với nội dung công việc và sản phẩm cụ thể, có thuyết minh rõ căn cứ; kết quả xác định được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. 2. Chi lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử (nếu có) để xác định các mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật, mối nguy và mức độ rủi ro nhằm xác định phương thức, biện pháp quản lý phù	số 23/2026/TT-BKHCN được thực hiện tại địa phương, cụ thể hoá các mức chi đã được quy định chi tiết tại địa phương và các văn bản quy định hiện hành. Đối với các nội dung chi có định mức số tiền cụ thể tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, đề xuất mức chi bằng 80% định mức tối đa. Mức chi thù lao cho chủ trì, thành viên, thư ký tương ứng các bước xây dựng QCĐP tại dự thảo Nghị quyết thấp hơn mức chi của chủ trì, thành viên, thư ký Hội đồng KHCN&ĐMST, hội thảo khoa học (nội dung chi có tính chất tương đương) quy định tại Nghị quyết

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
phương: áp dụng định mức chi theo quy định hiện hành đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. 4. Chi lấy ý kiến nhận xét của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 400.000 đồng/người đối với mỗi dự thảo. 5. Chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tham gia góp ý cho dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương: a) Chủ trì cuộc họp: 500.000 đồng/người/buổi. b) Các thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi. 6. Chi cho hoạt động khảo sát, điều tra phục vụ công tác xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương: áp dụng định mức chi quy định hiện hành của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định nội dung và mức chi	2. Chi lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử (nếu có) để xác định các mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật, môi nguy và mức độ rủi ro nhằm xác định phương thức, biện pháp quản lý phù hợp trong dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương: a) Chi mua mẫu, thuê cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguyên liệu, vật tư, hóa chất để phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử: căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có), giá niêm yết hoặc báo giá liên quan. Đối với việc lấy mẫu nhỏ lẻ trên nhiều địa bàn (nếu có), tiền công lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử: tối đa 400.000 đồng/ngày công. Trường hợp đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương có chức năng, cơ sở vật chất và năng lực kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tự thực hiện hoạt động phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử: việc xác định hao phí cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ phân tích, khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc áp dụng thử làm căn cứ lập dự toán được xác định theo mức khấu hao tài sản được quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC. Sau khi quy chuẩn kỹ thuật địa phương được	hợp trong dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật: a) Chi mua mẫu, thuê cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguyên liệu, vật tư, hóa chất để phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử: căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có), giá niêm yết hoặc báo giá liên quan. Đối với việc lấy mẫu nhỏ lẻ trên nhiều địa bàn (nếu có), tiền công lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử: tối đa 500.000 đồng/ngày công. Trường hợp đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật có chức năng, cơ sở vật chất và năng lực kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tự thực hiện hoạt động phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử: việc xác định hao phí cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ phân tích, khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc áp dụng thử làm căn cứ lập dự toán được xác định theo mức khấu hao tài sản được quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC. Sau khi quy chuẩn kỹ thuật được ban hành, phân kinh phí tương ứng với chi phí hao phí tài sản được quyết toán và trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp nếu đơn vị chủ trì là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc trích lập Quỹ đầu tư phát triển nếu đơn vị chủ trì là tổ chức ngoài công lập theo quy	số 23/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nội dung và mức chi đối với hoạt động quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. 7. Chi nhận xét đánh giá phản biện hoặc thẩm tra của thành viên Hội đồng thẩm tra đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 400.000 đồng/01 báo cáo phản biện hoặc báo cáo thẩm tra. 8. Chi họp hội đồng thẩm tra dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương: a) Chủ tịch Hội đồng: 800.000 đồng/người/buổi. b) Các thành viên Hội đồng: 400.000 đồng/người/buổi. 9. Chi công tác phí: thực hiện theo quy định hiện hành của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. 10. Các nội dung chi khác có liên quan đến xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương không quy định tại Nghị	ban hành, phần kinh phí tương ứng với chi phí hao phí tài sản được quyết toán và trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp nếu đơn vị chủ trì là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc trích lập Quỹ đầu tư phát triển nếu đơn vị chủ trì là tổ chức ngoài công lập theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính và quy định pháp luật có liên quan. b) Tiền công phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử; biên soạn báo cáo kết quả phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử; biên soạn thuyết minh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương và dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương; biên soạn thuyết minh đề nghị bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương; lập báo cáo kết quả thẩm định, báo cáo tiếp thu, giải trình kết quả thẩm định: tối đa 800.000 đồng/ngày công. Căn cứ tính chất, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và yêu cầu về chất lượng sản phẩm, đơn vị chủ trì xác định số ngày công làm cơ sở tính thù lao cho các thành viên tham gia; việc xác định phải gắn với nội dung công việc và sản phẩm cụ thể, có thuyết minh rõ căn cứ; kết quả xác định được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Trường hợp thuê dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử: được xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá của nhà cung cấp.	định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính và quy định pháp luật có liên quan. b) Tiền công phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử; biên soạn báo cáo kết quả phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử; biên soạn thuyết minh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật và dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật; biên soạn thuyết minh đề nghị bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật; lập báo cáo kết quả thẩm định, báo cáo tiếp thu, giải trình kết quả thẩm định: tối đa 1.000.000 đồng/ngày công. Căn cứ tính chất, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và yêu cầu về chất lượng sản phẩm, đơn vị chủ trì xác định số ngày công làm cơ sở tính thù lao cho các thành viên tham gia; việc xác định phải gắn với nội dung công việc và sản phẩm cụ thể, có thuyết minh rõ căn cứ; kết quả xác định được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Trường hợp thuê dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử: được xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá của nhà cung cấp. 3. Tiền công biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật: a) Tiền công biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật đơn ngành, lĩnh vực, bao gồm cả biên soạn khung nội dung dự thảo quy	

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản quy định hiện hành.	3. Tiền công biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương: a) Tiền công biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương đơn ngành, lĩnh vực, bao gồm cả biên soạn khung nội dung dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương (nếu có): tối đa 36.000.000 đồng/01 dự thảo. b) Tiền công biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương liên ngành, bao gồm cả biên soạn khung nội dung dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương (nếu có): tối đa bằng 200% mức chi theo quy định tại điểm a khoản này. c) Tiền công biên soạn dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương: tối đa 60% mức chi được quy định tại điểm a và b khoản này. 4. Mức chi đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương: tối đa 8.000.000 đồng/01 báo cáo; chi đánh giá tác động của dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương: tối đa 4.800.000 đồng/01 báo cáo. Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương có tính liên ngành, phạm vi tác động rộng, ảnh hưởng đến nhiều ngành, lĩnh vực hoặc gây phát sinh chi phí tuân thủ lớn cho doanh nghiệp, cơ quan chủ trì soạn thảo được thuê chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập thực	chuẩn kỹ thuật (nếu có): tối đa 40.000.000 đồng/01 dự thảo. b) Tiền công biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật liên ngành, bao gồm cả biên soạn khung nội dung dự thảo quy chuẩn kỹ thuật (nếu có): tối đa bằng 200% mức chi theo quy định tại điểm a khoản này. c) Tiền công biên soạn dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật: tối đa 60% mức chi được quy định tại điểm a và b khoản này. 4. Định mức chi đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: tối đa 10.000.000 đồng/01 báo cáo; chi đánh giá tác động của dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật: tối đa 6.000.000 đồng/01 báo cáo. Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật có tính liên ngành, phạm vi tác động rộng, ảnh hưởng đến nhiều ngành, lĩnh vực hoặc gây phát sinh chi phí tuân thủ lớn cho doanh nghiệp, cơ quan chủ trì soạn thảo được thuê chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập thực hiện đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, kinh phí thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đấu thầu. 5. Định mức chi tổ chức các cuộc họp tổ soạn thảo, hội thảo chuyên đề, hội thảo tham vấn, góp ý đối với dự thảo quy chuẩn	

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	hiện đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, kinh phí thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu thầu. 5. Mức chi tổ chức các cuộc họp tổ soạn thảo, hội thảo chuyên đề, hội thảo tham vấn, góp ý đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Chủ trì: 1.200.000 đồng/buổi; Thư ký: 560.000 đồng/buổi; Đại biểu tham dự: 400.000 đồng/người/buổi. 6. Mức chi lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học tối đa 560.000 đồng/01 phiếu ý kiến; chi tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý: tối đa 1.600.000 đồng/bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý. 7. Mức chi dịch dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương từ tiếng Việt sang tiếng Anh để gửi lấy ý kiến các nước thành viên WTO: 240.000 đồng/trang A4. 8. Mức chi tổ chức lấy ý kiến của các nước thành viên WTO đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, bao gồm: gửi lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến nhận được và trả lời ý kiến (nếu có): 400.000 đồng cho một kết quả trả lời được nước thành viên gửi ý kiến chấp thuận.	kỹ thuật, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật: Chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi; Thư ký: 700.000 đồng/buổi; Đại biểu tham dự: 500.000 đồng/người/buổi. 6. Định mức chi lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học tối đa 700.000 đồng/01 phiếu ý kiến; chi tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý: tối đa 2.000.000 đồng/bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý. 7. Định mức chi dịch dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật từ tiếng Việt sang tiếng Anh để gửi lấy ý kiến các nước thành viên WTO: 300.000 đồng/trang A4. 8. Định mức chi tổ chức lấy ý kiến của các nước thành viên WTO đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, bao gồm: gửi lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến nhận được và trả lời ý kiến (nếu có): 500.000 đồng cho một kết quả trả lời được nước thành viên gửi ý kiến chấp thuận. 9. Định mức chi họp Hội đồng thẩm định quy chuẩn kỹ thuật, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật: Chủ tịch Hội đồng: 1.800.000 đồng/buổi; Thành viên: 1.500.000 đồng/người/buổi; Chi lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của thành viên vắng mặt tại cuộc họp thẩm	

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	9. Mức chi họp Hội đồng thẩm định quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Chủ tịch Hội đồng: 1.440.000 đồng/buổi; Thành viên: 1.200.000 đồng/người/buổi; Chi lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của thành viên vắng mặt tại cuộc họp thẩm định: 800.000 đồng/01 phiếu ý kiến. 10. Mức chi đăng tải hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương lấy ý kiến rộng rãi; kết quả tham vấn, giải trình, tiếp thu ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên cổng thông tin điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng: 800.000 đồng/01 hồ sơ/01 nơi đăng tải.	định: 1.000.000 đồng/01 phiếu ý kiến. 10. Định mức chi đăng tải hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật lấy ý kiến rộng rãi; kết quả tham vấn, giải trình, tiếp thu ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật trên cổng thông tin điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng: 1.000.000 đồng/01 hồ sơ/01 nơi đăng tải. 11. Định mức chi tại Bộ Khoa học và Công nghệ về tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có nội dung phức tạp, liên quan đến quản lý đa ngành hoặc có khả năng tạo rào cản kỹ thuật đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, nhập khẩu hàng hóa đã được hoàn thiện sau thẩm định do các bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức xây dựng: a) Định mức chi xin ý kiến chuyên gia đối với hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: 1.000.000 đồng/01 phiếu ý kiến. b) Định mức chi họp tham vấn đối với hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi; Thành viên: 500.000 đồng/người/buổi.	
Không quy định	Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về đánh giá hiệu quả áp dụng quy chuẩn kỹ thuật địa phương (<i>Điều 7 Nghị quyết</i>):	Định mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về đánh giá hiệu quả áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật	Quy định mức chi đối với các nội dung được thực

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	Ngoài các mức chi quy định tại Điều 3 Nghị quyết này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về đánh giá hiệu quả áp dụng quy chuẩn kỹ thuật địa phương được quy định như sau: 1. Mức chi tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu, đánh giá, phân tích và xử lý thông tin, dữ liệu về hiệu quả áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật địa phương: áp dụng mức chi công việc tương tự được quy định tại Nghị quyết số 17/2018/NQ-Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. 2. Định mức chi lấy ý kiến chuyên gia: tối đa 400.000 đồng/01 phiếu ý kiến đối với quy chuẩn kỹ thuật. 3. Chi hội thảo chuyên đề góp ý: Chủ trì: 1.200.000 đồng/buổi; Thư ký: 560.000 đồng/buổi; Đại biểu: 240.000 đồng/người/buổi. 4. Tiền công lập báo cáo kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả quy chuẩn kỹ thuật địa phương: tối đa 4.000.000 đồng/01 báo cáo.	(Điều 17 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN): Ngoài các định mức chi quy định tại Điều 12 Thông tư này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư này, định mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về đánh giá hiệu quả áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật được quy định như sau: 1. Định mức chi tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu, đánh giá, phân tích và xử lý thông tin, dữ liệu về hiệu quả áp dụng của tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật: áp dụng định mức chi công việc tương tự được quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC. 2. Định mức chi lấy ý kiến chuyên gia: tối đa 500.000 đồng/01 phiếu ý kiến đối với quy chuẩn kỹ thuật; tối đa 200.000 đồng/01 phiếu ý kiến đối với tiêu chuẩn quốc gia. 3. Chi hội thảo chuyên đề góp ý: Chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi; Thư ký: 700.000 đồng/buổi; Đại biểu: 300.000 đồng/người/buổi. 4. Tiền công lập báo cáo kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả áp dụng tiêu chuẩn quốc gia: tối đa 1.000.000 đồng/01 báo cáo; lập báo cáo kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả	hiện tại địa phương, cụ thể hoá mức chi đã được quy định chi tiết tại địa phương. Đối với các nội dung chi có định mức số tiền cụ thể tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, đề xuất mức chi bằng 80% định mức tối đa. Mức chi hội thảo chuyên đề tại dự thảo Nghị quyết thấp hơn mức chi cho hội thảo khoa học quy định tại Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nội dung và mức chi đối với hoạt động quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
		quy chuẩn kỹ thuật: tối đa 5.000.000 đồng/01 báo cáo.	sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn
Không quy định	Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về xây dựng tiêu chuẩn cơ sở do cơ quan nhà nước công bố (Điều 8 Nghị quyết): Ngoài các định mức chi quy định tại Điều 3 Nghị quyết này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về xây dựng tiêu chuẩn cơ sở do cơ quan nhà nước công bố được quy định như sau: 1. Chi đánh giá thực trạng; nghiên cứu các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tài liệu và kết quả nghiên cứu khoa học liên quan; lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành, áp dụng thử (nếu có) để xác định các chỉ tiêu, đặc tính kỹ thuật, yêu cầu quản lý của dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: a) Chi thù lao đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và kết quả nghiên cứu khoa học liên quan: bằng 60% mức chi thù lao đối với các chức danh thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm	Định mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về xây dựng tiêu chuẩn cơ sở do cơ quan nhà nước công bố (Điều 18 Nghị quyết) Ngoài các định mức chi quy định tại Điều 12 Thông tư này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư này, định mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về xây dựng tiêu chuẩn cơ sở do cơ quan nhà nước công bố được quy định như sau: 1. Chi đánh giá thực trạng; nghiên cứu các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tài liệu và kết quả nghiên cứu khoa học liên quan; lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành, áp dụng thử (nếu có) để xác định các chỉ tiêu, đặc tính kỹ thuật, yêu cầu quản lý của dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: tối đa bằng 70% mức chi nội dung tương tự được quy định tại điểm a, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 15 Thông tư này. 2. Chi mua tài liệu, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, kết quả nghiên cứu khoa học liên quan: thực	Quy định mức chi đối với các nội dung được thực hiện tại địa phương, cụ thể hoá mức chi đã được quy định chi tiết tại địa phương và các văn bản quy định hiện hành. Đối với các nội dung chi có định mức số tiền cụ thể tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, đề xuất mức chi thực hiện xây dựng TCCS do cơ quan nhà nước công bố bằng 60-80% định mức tối đa trong xây dựng tiêu chuẩn quốc gia. Mức chi thù lao cho chủ trì, thành viên, thư ký tương ứng các

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung và mức chi đối với hoạt động quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ tính chất, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và yêu cầu về chất lượng sản phẩm, đơn vị chủ trì xác định số ngày công làm cơ sở tính thù lao cho các chức danh tham gia; việc xác định phải gắn với nội dung công việc và sản phẩm cụ thể, có thuyết minh rõ căn cứ; kết quả xác định được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. b) Chi mua mẫu, thuê cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguyên liệu, vật tư, hóa chất để phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành hoặc áp dụng thử: căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) hoặc giá niêm yết hoặc báo giá liên quan. Đối với việc lấy mẫu nhỏ lẻ trên nhiều địa bàn (nếu có), tiền công lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử: tối đa 280.000 đồng/ngày công. Trường hợp đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo tiêu chuẩn cơ sở, dự thảo sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn cơ sở có chức năng và cơ sở vật chất, năng lực kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tự thực hiện hoạt động phân tích, thử nghiệm,	hiện theo giá niêm yết hoặc báo giá hoặc giá bán của tài liệu, tiêu chuẩn cần mua. 3. Tiền công biên soạn dự thảo tiêu chuẩn cơ sở và thuyết minh dự thảo: tối đa 20.000.000 đồng/01 dự thảo tiêu chuẩn kèm thuyết minh. 4. Chi hội thảo chuyên đề, hội thảo góp ý hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: Chủ trì: 1.000.000 đồng/buổi; Thư ký: 500.000 đồng/buổi; Đại biểu tham dự: 200.000 đồng/người/buổi. 5. Chi xin ý kiến chuyên gia đối với dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: tối đa 500.000 đồng/01 phiếu ý kiến. 6. Chi tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý đối với dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: tối đa 1.000.000 đồng/bảng tổng hợp. 7. Chi thẩm tra dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: nếu thẩm tra theo phương pháp hội đồng thì áp dụng mức chi cho thành viên hội đồng tối đa bằng 70% mức chi đối với thành viên hội đồng thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; nếu thẩm tra theo phương pháp chuyên gia thì mức chi tối đa là 1.000.000 đồng/01 phiếu thẩm tra.	bước xây dựng TCCS tại dự thảo Nghị quyết thấp hơn mức chi của chủ trì, thành viên, thư ký Hội đồng KHCN&ĐMST, hội thảo khoa học (nội dung chi có tính chất tương đương) quy định tại Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nội dung và mức chi đối với hoạt động quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	khảo nghiệm hoặc áp dụng thử: việc xác định hao phí đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị dùng để phân tích, khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc áp dụng thử để lập dự toán được xác định theo mức khấu hao tài sản được quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Sau khi tiêu chuẩn cơ sở được công bố, phần kinh phí tương ứng với chi phí hao phí tài sản được quyết toán và trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp nếu đơn vị chủ trì là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc được trích vào Quỹ đầu tư phát triển nếu đơn vị chủ trì là tổ chức ngoài công lập theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính và quy định pháp luật có liên quan. c) Tiền công phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành hoặc áp dụng thử; biên soạn báo cáo kết quả phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành hoặc áp dụng thử; biên soạn thuyết minh dự thảo tiêu chuẩn cơ sở, thuyết minh dự thảo sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn cơ sở, thuyết minh đề nghị bãi bỏ tiêu chuẩn cơ sở; lập báo cáo kết quả thẩm định; lập báo cáo tiếp thu, giải trình kết quả thẩm		

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	định: tối đa 560.000 đồng/ngày công. Căn cứ tính chất, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và yêu cầu về chất lượng sản phẩm, đơn vị chủ trì xác định số ngày công làm cơ sở tính thù lao cho các thành viên tham gia; việc xác định phải gắn với nội dung công việc và sản phẩm cụ thể, có thuyết minh rõ căn cứ; kết quả xác định được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Trường hợp thuê dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành, áp dụng thử: được xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá của nhà cung cấp. 2. Chi mua tài liệu, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, kết quả nghiên cứu khoa học liên quan: thực hiện theo giá niêm yết hoặc báo giá hoặc giá bán của tài liệu, tiêu chuẩn cần mua. 3. Tiền công biên soạn dự thảo tiêu chuẩn cơ sở và thuyết minh dự thảo: tối đa 16.000.000 đồng/01 dự thảo TCCS kèm thuyết minh. 4. Chi hội thảo chuyên đề, hội thảo góp ý hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: Chủ trì: 800.000 đồng/buổi; Thư ký: 400.000 đồng/buổi; Đại biểu tham dự: 160.000 đồng/người/buổi. 5. Chi xin ý kiến chuyên gia đối với dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: tối đa 400.000 đồng/01		

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	phiếu ý kiến. 6. Chi tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý đối với dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: tối đa 800.000 đồng/bảng tổng hợp. 7. Chi thẩm tra dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: a) Nếu thẩm tra theo phương pháp hội đồng thì áp dụng mức chi cho thành viên hội đồng như sau: Chủ tịch Hội đồng: 840.000 đồng/buổi; Ủy viên phản biện: 560.000 đồng/người/buổi; Ủy viên: 400.000 đồng/người/buổi b) Nếu thẩm tra theo phương pháp chuyên gia thì mức chi tối đa là 800.000 đồng/01 phiếu thẩm tra.		
Không quy định	Không quy định	Định mức chi thực hiện hoạt động chuyên môn của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia (Điều 19 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN) Định mức chi tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao năng lực chuyên môn cho cơ quan thẩm định tiêu chuẩn quốc gia (Điều 20 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN)	Hoạt động này không thuộc thẩm quyền của địa phương
Không quy định	Mức chi thực hiện hoạt động chuyên môn về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đạt trình độ quốc tế trong lĩnh	Định mức chi thực hiện hoạt động chuyên môn về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đạt trình	Quy định mức chi đối với các nội dung được thực hiện tại địa phương, cụ thể hoá

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (Điều 9 Nghị quyết): Ngoài các định mức chi quy định tại Điều 3 Nghị quyết này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại Điều 8 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, định mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đạt trình độ quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được quy định như sau: 1. Chi mua bản quyền tài liệu, giáo trình, sách phục vụ công tác đào tạo, tập huấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá của tổ chức giữ bản quyền tài liệu, giáo trình. 2. Phí đăng ký các khóa đào tạo, tập huấn trong nước: thực hiện theo yêu cầu, giá niêm yết hoặc báo giá của nơi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng. 3. Chi phát triển chương trình đào tạo, học phần, môn học về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	độ quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (Điều 21 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN): Ngoài các định mức chi quy định tại Điều 12 Thông tư này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại Điều 8 Thông tư này, định mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đạt trình độ quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được quy định như sau: 1. Chi mua bản quyền tài liệu, giáo trình, sách phục vụ công tác đào tạo, tập huấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá của tổ chức giữ bản quyền tài liệu, giáo trình. 2. Phí đăng ký các khóa đào tạo, tập huấn trong nước: thực hiện theo yêu cầu, giá niêm yết hoặc báo giá của nơi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng. 3. Chi phát triển chương trình đào tạo, học phần, môn học về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp: được áp dụng nội dung chi và định mức chi quy định tại Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC; tiền công lao động chi trả cho các cá nhân tham gia	các mức chi đã được quy định chi tiết tại địa phương và các văn bản quy định hiện hành.

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh); tiền công lao động chi trả cho các cá nhân tham gia xây dựng chương trình đào tạo, đề cương học phần, môn học và biên soạn giáo trình được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung và mức chi đối với hoạt động quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ tính chất, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và yêu cầu về chất lượng sản phẩm, đơn vị chủ trì xác định số ngày công làm cơ sở tính thù lao cho các thành viên tham gia; việc xác định phải gắn với nội dung công việc và sản phẩm cụ thể, có thuyết minh rõ căn cứ; kết quả xác định được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. 4. Chi đào tạo ở nước ngoài cho các chuyên gia lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đạt trình độ quốc tế: áp dụng nội dung chi và định mức chi được quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC. 5. Chi thuê chuyên gia, giảng viên trong	xây dựng chương trình đào tạo, đề cương học phần, môn học và biên soạn giáo trình được thực hiện theo hệ số, phương pháp xác định và mức thù lao của các chức danh được quy định tại Điều 9 và Điều 10 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. Căn cứ tính chất, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và yêu cầu về chất lượng sản phẩm, đơn vị chủ trì xác định số ngày công làm cơ sở tính thù lao cho các thành viên tham gia; việc xác định phải gắn với nội dung công việc và sản phẩm cụ thể, có thuyết minh rõ căn cứ; kết quả xác định được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. 4. Chi đào tạo ở nước ngoài cho các chuyên gia lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đạt trình độ quốc tế: áp dụng nội dung chi và định mức chi được quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC. 5. Chi thuê chuyên gia, giảng viên trong nước để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: tiền công được xác định theo yêu cầu của chuyên gia, giảng viên phù hợp với yêu cầu đặt hàng của cơ quan chủ trì và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế.	

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	nước để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: tiền công được xác định theo yêu cầu của chuyên gia, giảng viên phù hợp với yêu cầu đặt hàng của cơ quan chủ trì và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế.		
Không quy định	Không quy định	Định mức chi thực hiện hoạt động chuyên môn về hợp tác quốc tế lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (Điều 22 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN)	Hoạt động này không thuộc thẩm quyền của địa phương
Không quy định	Mức chi thực hiện hoạt động chuyên môn về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Điều 10 Nghị quyết): Ngoài các định mức chi quy định tại Điều 3 Nghị quyết này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại Điều 10 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại được quy định như sau: 1. Chi thuê ngoài nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động và đề xuất triển khai thực hiện các cam kết về TBT và Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và Thủ tục đánh giá sự phù hợp (STRACAP), bao gồm:	Định mức chi thực hiện hoạt động chuyên môn về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Điều 23 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN) Ngoài các định mức chi quy định tại Điều 12 Thông tư này đối với một số nội dung công việc có tính chất phổ biến quy định tại Điều 10 Thông tư này, định mức chi đối với một số nội dung công việc chuyên môn về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại được quy định như sau: 1. Chi xây dựng, vận hành, duy trì và nâng cấp hạ tầng thông báo và hỏi đáp quốc gia về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, bao gồm cả nền tảng số và cơ sở dữ liệu: thực	Quy định mức chi đối với các nội dung được thực hiện tại địa phương. Đối với các nội dung chi có định mức số tiền cụ thể tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN, đề xuất mức chi bằng 80% định mức tối đa. Mức chi thù lao cho chủ trì, thành viên, thư ký họp tham vấn tại dự thảo Nghị quyết thấp hơn mức chi của chủ trì, thành

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	a) Chi lập báo cáo nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động các vấn đề triển khai cam kết TBT/STRACAP trong các hiệp định thương mại tự do (FTA): 4.000.000 đồng/báo cáo. b) Chi họp tham vấn phân tích, đánh giá tác động với các biện pháp TBT của các nước liên quan tới cảnh báo xuất khẩu, các vấn đề triển khai cam kết TBT/STRACAP trong các FTA: Chủ trì: 1.200.000 đồng/buổi; Thư ký: 560.000 đồng/buổi; Đại biểu tham dự: 240.000 đồng/người/buổi. 2. Chi bảo đảm hoạt động của các cơ quan thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại địa phương, bao gồm: a) Tiền công lập báo cáo phân tích, đánh giá tác động của dự thảo biện pháp TBT lên xuất khẩu của Việt Nam nhằm phục vụ cảnh báo sớm cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý: tối đa 8.000.000 đồng/báo cáo. b) Tiền công lập báo cáo nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động và đề xuất nêu quan ngại thương mại của Việt Nam với các biện pháp TBT của nước ngoài ảnh hưởng tới xuất khẩu của Việt Nam: tối đa 8.000.000 đồng/báo cáo. c) Tiền công lập báo cáo nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động và đề xuất phương án	hiện theo quy định pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. 2. Chi thuê ngoài nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động và đề xuất triển khai thực hiện các cam kết về TBT và Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và Thủ tục đánh giá sự phù hợp (STRACAP), bao gồm: a) Chi lập báo cáo nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động các vấn đề triển khai cam kết TBT/STRACAP trong các hiệp định thương mại tự do (FTA): 5.000.000 đồng/báo cáo. b) Chi họp tham vấn phân tích, đánh giá tác động với các biện pháp TBT của các nước liên quan tới cảnh báo xuất khẩu, các vấn đề triển khai cam kết TBT/STRACAP trong các FTA: Chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi; Thư ký: 700.000 đồng/buổi; Đại biểu tham dự: 300.000 đồng/người/buổi. 3. Chi bảo đảm hoạt động của các cơ quan thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại quốc gia, bộ, địa phương,	viên, thư ký Hội đồng KHCN&ĐMST, hội thảo khoa học (nội dung chi có tính chất tương đương) quy định tại Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nội dung và mức chi đối với hoạt động quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
	xử lý quan ngại thương mại của các nước thành viên WTO đối với các biện pháp TBT của Việt Nam: tối đa 8.000.000 đồng/báo cáo. d) Định mức chi họp tham vấn ý kiến cơ quan quản lý, doanh nghiệp, hiệp hội và chuyên gia về các quan ngại thương mại đối với các biện pháp TBT: Chủ trì: 1.200.000 đồng/buổi; Thư ký: 560.000 đồng/buổi; Đại biểu tham dự: 240.000 đồng/người/buổi. đ) Chi lấy ý kiến thành viên Ban liên ngành, chuyên gia về các vấn đề TBT và các quan ngại thương mại đối với các biện pháp TBT: 800.000 đồng/01 phiếu ý kiến. e) Định mức chi biên soạn và phát hành bản tin về hàng rào kỹ thuật trong thương mại định kỳ, chuyên đề theo ngành hàng có thể mạnh xuất khẩu: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP. 3. Công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước của đơn vị chủ trì khi được giao thực hiện nhiệm vụ phân tích, đánh giá tác động các vấn đề TBT và quan ngại thương mại đối với các biện pháp TBT không được áp dụng mức chi tiền công quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều này.	bao gồm: a) Tiền công lập báo cáo phân tích, đánh giá tác động của dự thảo biện pháp TBT lên xuất khẩu của Việt Nam nhằm phục vụ cảnh báo sớm cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý: tối đa 10.000.000 đồng/báo cáo. b) Tiền công lập báo cáo nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động và đề xuất nêu quan ngại thương mại của Việt Nam với các biện pháp TBT của nước ngoài ảnh hưởng tới xuất khẩu của Việt Nam: tối đa 10.000.000 đồng/báo cáo. c) Tiền công lập báo cáo nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động và đề xuất phương án xử lý quan ngại thương mại của các nước thành viên WTO đối với các biện pháp TBT của Việt Nam: tối đa 10.000.000 đồng/báo cáo. d) Định mức chi họp tham vấn ý kiến cơ quan quản lý, doanh nghiệp, hiệp hội và chuyên gia về các quan ngại thương mại đối với các biện pháp TBT: Chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi; Thư ký: 700.000 đồng/buổi; Đại biểu tham dự: 300.000 đồng/người/buổi. đ) Chi họp định kỳ, đột xuất của Ban liên ngành: Trưởng ban: 1.500.000 đồng/buổi; Thành viên, thư ký: 1.000.000	

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
		đồng/người/buổi; Đại biểu: 300.000 đồng/người/buổi; Báo cáo tham luận: 2.000.000 đồng/báo cáo. e) Chi lấy ý kiến thành viên Ban liên ngành, chuyên gia về các vấn đề TBT và các quan ngại thương mại đối với các biện pháp TBT: 1.000.000 đồng/01 phiếu ý kiến. g) Định mức chi biên soạn và phát hành bản tin về hàng rào kỹ thuật trong thương mại định kỳ, chuyên đề theo ngành hàng có thể mạnh xuất khẩu: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP. 4. Công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước của đơn vị chủ trì khi được giao thực hiện nhiệm vụ phân tích, đánh giá tác động các vấn đề TBT và quan ngại thương mại đối với các biện pháp TBT không được áp dụng mức chi tiền công quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều này.	
Không quy định	Không quy định	Chi xây dựng, vận hành, duy trì, khai thác và nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (Điều 24 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN) Định mức chi hỗ trợ tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước chủ trì xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia (Điều 25 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN)	Hoạt động này không thuộc thẩm quyền của địa phương

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
Điều 3. Nguồn kinh phí sử dụng 1. Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành. 2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân khác. 3. Các nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật.	Không quy định	Nguồn kinh phí thực hiện (Điều 4 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN) 1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật được quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. 2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật, bao gồm: a) Nguồn đóng góp, tài trợ, hỗ trợ tự nguyện của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài; b) Nguồn vốn từ chương trình, dự án hợp tác quốc tế, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật; c) Các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc huy động và sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác phải bảo đảm không làm thay đổi mục tiêu, nội dung, tính chất của hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật và tuân thủ quy định của pháp luật	Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN đã quy định về nguồn kinh phí thực hiện, đồng thời không giao HĐND tỉnh quy định chi tiết về nguồn kinh phí thực hiện. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
		có liên quan.	
Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.	Tổ chức thực hiện (Điều 11) 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện. 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Văn hoá - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	Điều 30. Tổ chức thực hiện Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.	Quy định phù hợp tình hình thực tiễn của tỉnh
Không quy định	Điều khoản chuyển tiếp (Điều 12 Nghị quyết): Dự toán chi hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày hiệu lực của Nghị quyết này thì tiếp tục thực hiện theo dự toán đã được phê duyệt.	Điều 31. Điều khoản chuyển tiếp Dự toán chi hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày hiệu lực của Thông tư này thì tiếp tục được thực hiện theo dự toán đã được duyệt.	Nhằm bảo đảm tính ổn định, liên tục trong quá trình triển khai các nhiệm vụ, hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết có hiệu lực thi

Quy định tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN	Thuyết minh
			hành; đồng thời tránh phát sinh vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, thanh quyết toán kinh phí.
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn Khóa XVII Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2021./.	Hiệu lực thi hành (Điều 13 Nghị quyết): 1. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2026. 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. 3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	Điều 32. Hiệu lực thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành. 2. Trường hợp các quy định, văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định nội dung tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới. 3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, hướng dẫn, giải quyết./.	Quy định phù hợp tình hình thực tiễn của tỉnh